

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

VŨ DUY HÙNG

**QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở
CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC
(Giai đoạn 2020 - 2022)**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Chuyên ngành: Báo chí học

Mã số: 9 32 01 01

HÀ NỘI, NĂM 2026

Công trình được hoàn thành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Công trình được hoàn thành tại:
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. NGUYỄN NGỌC OANH

Chủ tịch Hội đồng:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
họp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
vào hồi giờ ngày tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia, Hà Nội
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thông tin đối ngoại nói chung và thông tin đối ngoại trên báo chí nói riêng đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Đặc biệt, giai đoạn 2020-2022, đại dịch COVID-19 không chỉ là một cuộc khủng hoảng y tế mà còn là cuộc khủng hoảng truyền thông toàn cầu, khi các quốc gia phải đối phó với dịch bệnh, đồng thời phải cung cấp thông tin được cập nhật thường xuyên trên phạm vi quốc gia, khu vực, thế giới về dịch bệnh, biện pháp phòng chống cũng như phải ngăn chặn sự lan truyền của tin giả, thông tin sai lệch.

Thông tin không chỉ dừng lại ở phạm vi hẹp trong cộng đồng, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ mà còn mang tính chất quy mô toàn cầu. Thông tin về diễn biến dịch bệnh cũng như biện pháp phòng tránh dịch bệnh đã vượt quy mô một nước, phạm vi biên giới quốc gia để trở thành một phần của thông tin toàn cầu. Sự phối hợp trong thông tin về dịch bệnh của mỗi nước gắn chặt với thông tin toàn cầu và ngược lại. Trong tình huống này, quản lý thông tin đối ngoại trở thành một nhiệm vụ mang tính sống còn để đảm bảo dòng chảy thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời và định hướng đúng đắn cho dư luận quốc tế.

Các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam như Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN), báo *Nhân Dân*, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) đã đóng vai trò tiên phong trong công tác thông tin đối ngoại. Theo Báo cáo của báo *Nhân Dân* (2022), trong giai đoạn cao điểm chống dịch, số tin bài về dịch chiếm 25-30% nội dung số báo. Trong giai đoạn 2020-2022, Ban *Nhân Dân* điện tử đã triển khai khoảng 10.000 tin, bài về dịch COVID-19. Với thể mạnh có 6 ngôn ngữ truyền tải thông tin, Ban *Nhân Dân* điện tử tiếng Việt, Nga, Trung, Anh, Pháp, Tây Ban Nha đã phủ sóng thông tin liên tục từng giờ, cung cấp thông tin cho độc giả trong nước và quốc tế thông tin khách quan, cập nhật về tình hình dịch bệnh cũng như chính sách ứng phó của Việt Nam. Sự tham gia này góp phần quan trọng trong việc định vị Việt Nam như một “điểm sáng” trong kiểm soát dịch bệnh, được dư luận quốc tế đánh giá cao về tính minh bạch, chủ động và trách nhiệm [147].

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 cũng bộc lộ nhiều thách thức lớn đối với công tác quản lý thông tin đối ngoại. Một mặt, sự bùng nổ của mạng xã hội và truyền thông số đã khiến tốc độ lan truyền tin tức vượt ngoài khả năng kiểm soát truyền thống, làm gia tăng tình trạng tin giả và thông tin sai lệch. Theo Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), chỉ riêng trong năm 2021, hàng nghìn

tin giả liên quan đến COVID-19 trên mạng xã hội đã bị phát hiện, trong đó có nhiều tin ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, hình ảnh quốc gia. Mặt khác, sự phối hợp liên ngành trong xử lý thông tin đối ngoại còn thiếu tính đồng bộ, dẫn đến hiệu quả chưa tương xứng với yêu cầu thực tiễn.

Về phương diện lý luận, nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn COVID-19 giúp hệ thống hóa và bổ sung cơ sở khoa học cho việc xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia trong bối cảnh khủng hoảng. Đây là tình huống đặc thù chưa từng có tiền lệ, đòi hỏi cách tiếp cận mới để vừa đảm bảo tính nhanh nhạy của thông tin, vừa giữ vững tính định hướng chính trị và ngoại giao. Về phương diện thực tiễn, việc phân tích các thành công, hạn chế và bài học từ hoạt động của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực trong thời kỳ này sẽ cung cấp kinh nghiệm quý báu cho việc ứng phó với các cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai. Đồng thời, kết quả nghiên cứu còn mang ý nghĩa chiến lược, giúp hoạch định chính sách truyền thông đối ngoại nhằm khẳng định hình ảnh Việt Nam là quốc gia minh bạch, nhân văn và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Đây là lý do chính để nghiên cứu sinh lựa chọn và thực hiện đề tài nghiên cứu: “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020-2022)*” cho luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV trong bối cảnh khủng hoảng 2020-2022. Từ đó, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý thông tin đối ngoại trước biến động toàn cầu.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về quản lý thông tin đối ngoại.
- Phân tích bối cảnh giai đoạn 2020-2022 (dịch bệnh, tin giả, nhu cầu thông tin tăng đột biến).
- Khảo sát thực trạng tại 3 cơ quan chủ lực (TTXVN, báo *Nhân Dân*, VOV) để chỉ ra thành công và hạn chế.
- Đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là việc quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí chủ lực ở Việt Nam hiện nay, tập trung khảo sát giai đoạn 2020-2022.
- Khách thể nghiên cứu là các cá nhân, đơn vị trực tiếp tham gia vào công tác quản lý và sản xuất thông tin đối ngoại tại 3 cơ quan báo chí được khảo sát:

(1) Nhóm quản lý, lãnh đạo cấp cao (Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập) và trưởng các ban/phòng phụ trách thông tin đối ngoại tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV.

(2) Nhóm tác nghiệp gồm các nhà báo, phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và quản trị viên.

(3) Khách thể tham gia gồm các chuyên gia và nhà khoa học có kinh nghiệm về báo chí đối ngoại, tham gia đóng góp ý kiến thông qua các buổi phỏng vấn sâu hoặc hội thảo khoa học.

(4) Tin bài về đối ngoại trên các sản phẩm báo chí đối ngoại của 3 cơ quan báo chí được khảo sát.

Khảo sát tin bài giúp luận án có cơ sở thực tế để đánh giá hiệu quả của công tác quản lý, nội dung nghiên cứu không chỉ là về quy trình quản lý mà còn về chất lượng và bản chất của sản phẩm mà quy trình đó tạo ra, đồng thời, quản lý nội dung và hình thức thông tin cũng là một nội dung quan trọng trong quản lý thông tin đối ngoại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung: Tổ chức tòa soạn, nội dung, hình thức, phương thức truyền tải.
- Địa bàn: Tập trung vào các đơn vị chuyên trách đối ngoại của báo *Nhân Dân* (Ban Quốc tế, *Nhân Dân* điện tử, *Truyền hình Nhân Dân*), TTXVN (các ban biên tập tin, báo ngoại ngữ...) và VOV (Ban Đối ngoại VOV5).
- Thời gian: Giai đoạn 2020-2022 (Cao điểm đại dịch COVID-19, mang tính đại diện cho khủng hoảng toàn cầu).

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Công tác quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực có những vai trò gì?
- Hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam chịu sự tác động của các yếu tố gì?
- Thực trạng công tác quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam (TTXVN, Báo Nhân Dân, VOV) trong bối cảnh đại dịch COVID-19 và sự bùng nổ của truyền thông số giai đoạn 2020–2022 được triển khai và thể hiện như thế nào?
- Cần có những giải pháp mang tính đột phá nào nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam trong giai đoạn tới, để thích ứng với sự cạnh tranh thông tin toàn cầu và sự lan tỏa mạnh mẽ của mạng xã hội?

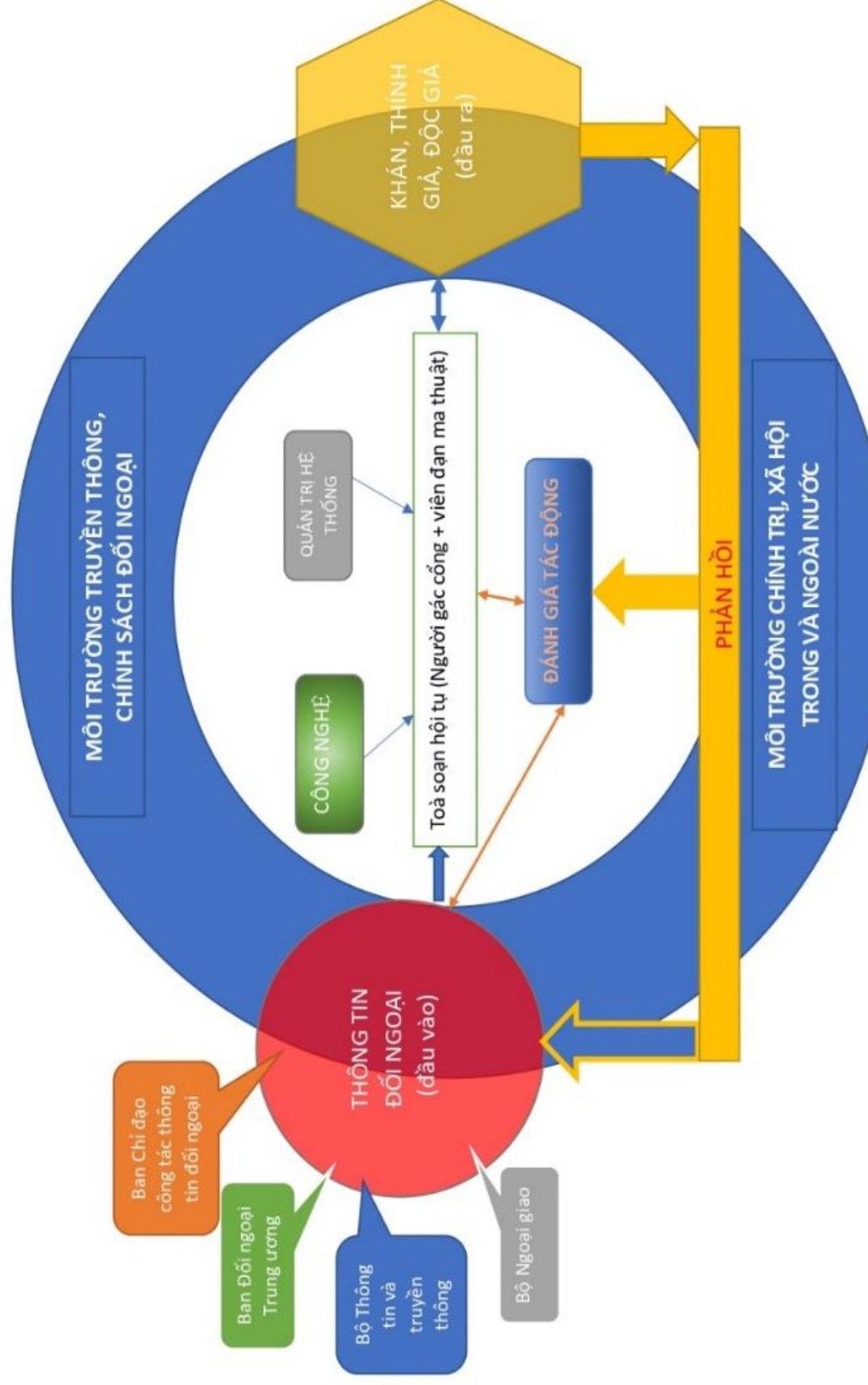
4.2. Giả thuyết nghiên cứu

- Chất lượng nội dung quyết định uy tín quốc tế.
- Ứng dụng công nghệ số giúp mở rộng phạm vi tiếp cận nhưng còn bất cập về kỹ năng.
- Sự phù hợp giữa kênh truyền thông và công chúng mục tiêu giúp gia tăng hiệu quả.
- Bối cảnh khủng hoảng là áp lực, vừa là cơ hội khẳng định vị thế quốc gia.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Dựa trên Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng. Áp dụng các lý thuyết của nước ngoài.



Hình 1. Khung lý thuyết của luận án

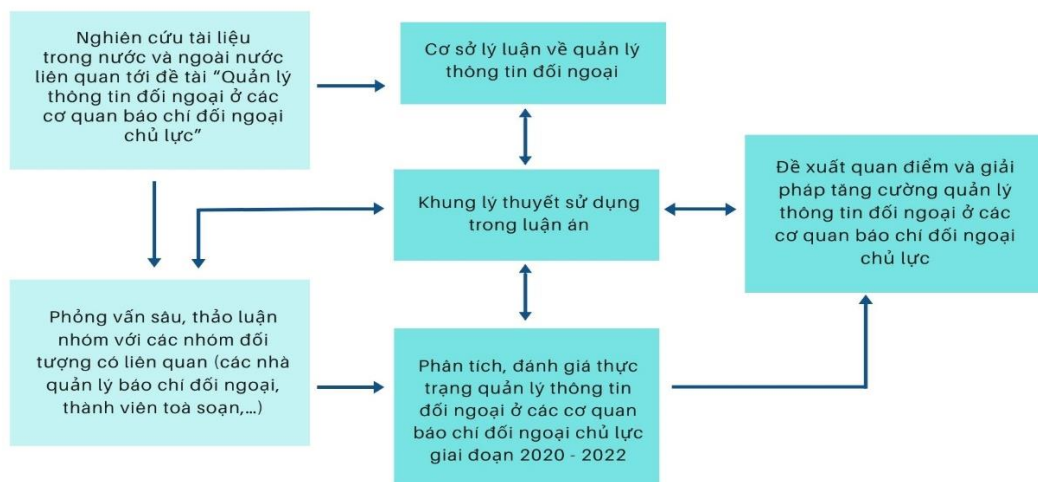
Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phối hợp các phương pháp: Tổng hợp tài liệu; Phân tích nội dung; Quan sát tham dự (tác giả là người trong cuộc); Phỏng vấn sâu (theo mô hình SWOT với lãnh đạo và phóng viên); Tham vấn ý kiến chuyên gia qua hội thảo khoa học.

Theo dõi hoạt động phỏng vấn sâu hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý đầu vào ở báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV

Đơn vị	Số lượng	Nội dung
Báo <i>Nhân Dân</i>	Lãnh đạo Ban <i>Nhân Dân</i> điện tử tiếng nước ngoài, phóng viên thường trú nước ngoài	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác.
TTXVN	Lãnh đạo TTXVN, đại diện báo <i>Le Courrier du Vietnam</i> , đại diện báo <i>Việt Nam News</i> , đại diện Ban biên tập tin Đối ngoại	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác
VOV	Lãnh đạo Ban Đối ngoại, phóng viên thường trú nước ngoài	Câu hỏi về quản lý thông tin, quản lý dòng phản hồi, quản lý sự điều chỉnh trong giai đoạn COVID-19, quản lý phát triển chuyên môn; về thành công, những khó khăn, thách thức trong quản lý thông tin nhân lực, dòng phản hồi và một số vấn đề khác



Hình 2. Khung phân tích của luận án

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

- Góp phần hệ thống hoá và phân tích, làm rõ những cơ sở lý luận liên quan về quản lý thông tin đối ngoại trên các báo chủ lực.
- Góp phần củng cố và nâng cao nhận thức, phương pháp tổ chức quản lý thông tin đối ngoại trong tổ hợp báo đa phương tiện
- Hệ thống hoá các văn bản, tài liệu của Đảng và Nhà nước liên quan đến hoạt động, quản lý báo chí đối ngoại.
- Cung cấp những dữ liệu và gợi ý mô hình quản lý thông tin đối ngoại cho các cơ quan quản lý, tòa soạn trong việc quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả của thông tin đối ngoại trên các ấn phẩm báo đa phương tiện.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

- Những đề xuất, khuyến nghị trong việc quản lý thông tin đối ngoại ở báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV góp phần định hình quan điểm và thúc đẩy hoạt động thông tin đối ngoại ở 3 cơ quan này, cũng như các cơ quan báo chí chủ lực, đa phương tiện khác.
- Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu các môn học của chuyên ngành quan hệ quốc tế và thông tin đối ngoại tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như ở các cơ sở đào tạo về quan hệ quốc tế, đào tạo cán bộ truyền thông báo chí đối ngoại; tài liệu tham khảo cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề thông tin đối ngoại.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có các chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Chương 3. Thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022 (Khảo sát tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV)

Chương 4. Những vấn đề đặt ra và giải pháp quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn tới

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC

1.1. Các nghiên cứu liên quan đến quản lý thông tin đối ngoại trên báo chí

1.1.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại

- Lý thuyết quản lý: Tiếp cận từ quản lý khoa học (Taylor), quản lý hành chính (Fayol - nhấn mạnh quy trình từ trên xuống: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, giám sát) đến lý thuyết hành vi lãnh đạo (Stogdill & Coons).

- Lý thuyết truyền thông: Bao gồm mô hình thông tin (Shannon), hội tụ truyền thông (Negroponte), người gác cổng (Lewin/White - vai trò chọn lọc tin), thiết lập chương trình nghị sự (McCombs & Shaw), viên đạn ma thuật (Lasswell - tác động mạnh mẽ của tin tức), và mô hình truyền thông Lasswell (Ai - Nói gì - Kênh nào - Cho ai - Hiệu quả gì).

- Quản lý thông tin đối ngoại: Tập trung vào tổ chức tòa soạn, ảnh hưởng xã hội của báo chí, truyền thông quốc tế (quyền lực mềm, ngoại giao công chúng) và thách thức trong kỷ nguyên kỹ thuật số.

1.1.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến cơ sở lý luận của quản lý thông tin đối ngoại

- Chủ yếu khảo cứu và áp dụng lý thuyết nước ngoài vào bối cảnh Việt Nam.

- Khẳng định vai trò của báo chí cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

1.2.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

- Xem báo chí là công cụ chiến lược cho ngoại giao và thương mại (quyền lực mềm).

- Nhấn mạnh vai trò của mạng xã hội và truyền thông số trong chính trị (ví dụ: dân chủ điện tử, ngoại giao qua Facebook).

- Nghiên cứu sự chuyển đổi mô hình của các hãng thông tấn lớn (như Tân Hoa xã).

1.2.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại

- Chỉ ra bất cập: Hệ thống pháp luật chậm đổi mới, xử lý vi phạm chưa nghiêm,

đội ngũ quản lý còn hạn chế (Lê Doãn Hợp, Vũ Thanh Sơn).

- Ghi nhận kết quả: Quy hoạch báo chí tích cực, quản lý phóng viên nước ngoài chặt chẽ.

- Thách thức: An ninh mạng, tin giả, thiếu nhân lực chất lượng cao và kinh phí cho hoạt động đối ngoại (Bùi Thị Vân, Trương Xuân Phúc).

1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

1.3.1. Các nghiên cứu ngoài nước liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

- Đề cao đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng biên tập và tổ chức tòa soạn hiện đại.

- Kinh nghiệm quản lý Internet và ngăn chặn thông tin xấu độc (ví dụ từ Trung Quốc).

1.3.2. Các nghiên cứu trong nước liên quan đến giải pháp nâng cao quản lý thông tin đối ngoại

- Pháp lý: Rà soát, hoàn thiện văn bản luật pháp cho kịp thực tiễn (Nguyễn Bắc Sơn).

- Nhân lực: Đào tạo cán bộ quản lý có bản lĩnh chính trị và kỹ năng số.

- Tổ chức: Xây dựng mô hình tập đoàn truyền thông, tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, đầu tư hạ tầng công nghệ (Lê Hải, Bùi Thị Vân).

- Chiến lược: Cần có chiến lược thông tin đối ngoại dài hạn, gắn với quy hoạch quốc gia.

1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu

1.4.1. Những vấn đề đã được thống nhất và luận án có thể kế thừa

- Các khái niệm cơ bản về thông tin, truyền thông, báo chí đối ngoại.
- Khẳng định vai trò quan trọng của báo chí trong bảo vệ lợi ích quốc gia và định hướng dư luận.

- Kế thừa nhận định về sự phát triển đa dạng của 4 loại hình báo chí (in, nói, hình, điện tử).

1.4.2. Những vấn đề còn có ý kiến khác biệt

- Chưa thống nhất về khái niệm "thông tin đối ngoại" so với "ngoại giao công chúng" hay "truyền thông quốc tế".

- Quan điểm quản lý khác nhau do sự khác biệt về thể chế chính trị.

- Đánh giá thực tiễn và giải pháp còn nhiều ý kiến trái chiều, đặc biệt trong xử lý thông tin trên mạng xã hội.

1.4.3. Những vấn đề chưa được triển khai nghiên cứu

- Chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực.
- Chưa có nghiên cứu tập trung vào giai đoạn khủng hoảng đặc thù 2020-2022 với dịch COVID-19 cũng như sự thúc đẩy mạnh mẽ của yêu cầu chuyển đổi số.
- Thiếu các giải pháp cụ thể cho mô hình "tổ hợp đa phương tiện" trong bối cảnh chuyển đổi số và sắp xếp lại quy hoạch báo chí từ 2025.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm thông tin đối ngoại

- Là hoạt động thông tin hai chiều: Quảng bá hình ảnh, chính sách, đất nước Việt Nam ra thế giới (hướng ngoại) và cung cấp thông tin thế giới vào Việt Nam (hướng nội).
- Chức năng: Định hình nhận thức quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ, đấu tranh phản bác thông tin sai lệch.

2.1.2. Khái niệm cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Là các cơ quan báo chí nòng cốt (được xác định trong Quy hoạch báo chí như: TTXVN, báo *Nhân Dân*, VOV, VTV...) có nhiệm vụ chính trị, năng lực, hạ tầng và mạng lưới để thực hiện thông tin đối ngoại thường xuyên, định hướng dư luận xã hội.

2.1.3. Khái niệm quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Được hiểu là quá trình tác động của chủ thể quản lý (lãnh đạo cơ quan báo chí) lên toàn bộ quy trình: từ tiếp nhận đầu vào, sản xuất, giám sát, phổ biến đến xử lý phản hồi; Đảm bảo thông tin chính thống, đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, phục vụ lợi ích quốc gia.

2.2. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.2.1. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với đời sống kinh tế - xã hội

- Thông tin ra: Quảng bá thu hút đầu tư, du lịch phù hợp từng địa bàn.

- Thông tin vào: Nâng cao dân trí, giúp người dân tiếp thu tinh hoa văn hóa, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội.

2.2.2. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với hoạt động ngoại giao

Là cầu nối truyền tải chính sách đối ngoại, xây dựng "sức mạnh mềm", củng cố uy tín quốc gia; Là công cụ phản ứng nhanh trước các chiến dịch truyền thông xuyên tạc, bảo vệ chủ quyền.

2.2.3. Vai trò của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đối với sự phát triển của cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Khẳng định vị thế tiên phong, nâng cao năng lực cạnh tranh; Thúc đẩy chuẩn hóa quy trình, nâng cao trình độ đội ngũ (ngoại ngữ, nghiệp vụ quốc tế).

2.3. Chủ thể, khách thể, nội dung, phương thức và tác động của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.3.1. Chủ thể quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Cấp nhà nước là ban, bộ liên quan và cấp cơ quan báo chí là lãnh đạo đơn vị, ban biên tập, phòng nghiệp vụ, pháp chế, phóng viên thường trú nước ngoài là lực lượng đặc thù, các kỹ thuật và hợp tác quốc tế.

2.3.2. Khách thể quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Sản phẩm thông tin như tin, bài, chương trình; Quy trình sản xuất; Nguồn lực con người, cơ sở vật chất.

2.3.3. Nội dung quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Tiếp nhận thông tin và xây dựng kế hoạch; Duyệt kế hoạch; Triển khai thực hiện sáng tạo tác phẩm; Giám sát thực hiện về nhân sự, chất lượng, kỹ thuật, kiểm duyệt nhiều vòng; Phổ biến thông tin đa nền tảng gồm báo in, điện tử, phát thanh, truyền hình; Tiếp nhận và xử lý phản hồi; Kiểm tra, đánh giá sau phát hành.

2.3.4. Phương thức quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Bằng pháp luật như Luật Báo chí, quy chế nội bộ; Thông qua sắp xếp tổ chức đúng người đúng việc; Thông qua cơ chế tài chính như nhuận bút, thưởng, phạt; Thông qua cảm hóa, thuyết phục về đạo đức nghề nghiệp; Thông qua đào tạo, bồi dưỡng.

2.3.5. Tác động của quản lý thông tin đối ngoại ở cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

Nâng cao hình ảnh và sức mạnh mềm quốc gia; Hỗ trợ đàm phán ngoại giao;

Đảm bảo an ninh thông tin; Thúc đẩy thương mại, đầu tư; Tăng uy tín của cơ quan truyền thông.

2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

2.4.1. Yếu tố chính trị

Quyết định định hướng nội dung. Nhận thức và quyết tâm chính trị của lãnh đạo cơ quan là then chốt.

2.4.2. Yếu tố pháp lý

Hệ thống luật (Hiến pháp, Luật Báo chí, Nghị định 72/2015/NĐ-CP...) tạo hành lang pháp lý và cơ chế hoạt động.

2.4.3. Môi trường kinh tế - xã hội

Tiềm lực kinh tế quyết định nguồn lực đầu tư công nghệ và đời sống phóng viên.

2.4.4. Chính sách đối ngoại

Là khung nội dung, sự thay đổi chính sách ngoại giao đòi hỏi thông tin đối ngoại phải linh hoạt điều chỉnh theo.

2.4.5. Yếu tố công nghệ, môi trường truyền thông

Chuyển đổi số, AI, Big Data hỗ trợ tác nghiệp nhưng cũng tạo áp lực về tốc độ, an ninh mạng và cạnh tranh với mạng xã hội.

2.4.6. Yếu tố chất lượng cán bộ

Đòi hỏi "kép": Vừa giỏi nghiệp vụ báo chí, vừa am hiểu quốc tế, ngoại ngữ và nhạy bén chính trị.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở MỘT SỐ CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020 – 2022 (KHẢO SÁT TẠI BÁO NHÂN DÂN, THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM VÀ ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM)

3.1. Khái quát về một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

Đây là 3 trụ cột trong hệ thống báo chí đối ngoại của Việt Nam, có bề dày lịch sử và đang trong quá trình tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy (giai đoạn 2020-2022).

Cơ quan	Vai trò và đặc điểm	Đơn vị chủ chốt về đối ngoại (2020-2022)
Báo Nhân Dân	- Cơ quan ngôn luận của Đảng.	- Ban Quốc tế: Tin quốc tế cho người Việt, quản lý phóng viên thường trú.

	- Đa loại hình: Báo in, báo điện tử và truyền hình. - Tiên phong chuyển đổi số (Podcast, TikTok).	- Ban Nhân Dân điện tử: 6 ngôn ngữ (Việt, Anh, Trung, Pháp, Nga, Tây Ban Nha). - Truyền hình Nhân Dân: Bản tin thời sự, chuyên đề.
TTXVN	- Cơ quan thông tấn quốc gia thuộc chính phủ. - Mạng lưới lớn nhất: Các cơ quan thường trú trong nước, 30 cơ quan thường trú nước ngoài. - Cung cấp "tin nguồn" chính thống.	- Ban biên tập Tin Đối ngoại, Tin Thế giới. - Các báo: Vietnam News (Anh), Le Courier du Vietnam (Pháp), VietnamPlus, Báo ảnh Việt Nam. - Truyền hình Thông tấn (VNews).
VOV	- Đài phát thanh quốc gia thuộc chính phủ. - Thế mạnh về âm thanh và độ phủ sóng rộng. - Phát sóng đa ngôn ngữ.	- Ban Đối ngoại (VOV5): Phát sóng 13 ngôn ngữ + chương trình cho người Việt ở xa Tổ quốc. - Website vovworld.vn.

3.2. Thực trạng quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí được khảo sát

Cả 3 cơ quan đều tuân thủ quy trình quản lý chặt chẽ, tuy nhiên có sự khác biệt về kỹ thuật.

3.2.1. Quản lý thông tin đối ngoại ở báo Nhân Dân giai đoạn 2020-2022

Quy trình quản lý và sản xuất thông tin đối ngoại được thực hiện theo 8 bước khép kín, từ tiếp nhận – xử lý thông tin, biên tập – biên dịch, thẩm định nhiều cấp, xuất bản, phát hành đến tiếp nhận phản hồi và đánh giá. Quy trình này bảo đảm tính chính xác, thống nhất về định hướng chính trị và nâng cao chất lượng nội dung đối ngoại, đặc biệt với các sản phẩm đa ngôn ngữ và đa nền tảng.

Về nguồn nhân lực, Ban Quốc tế duy trì ổn định khoảng 23 cán bộ, phóng viên trong suốt giai đoạn nghiên cứu; riêng năm 2022 có 12 phóng viên thường trú tại nước ngoài. Ban Nhân Dân điện tử duy trì đội ngũ từ 7-9 biên tập viên cho mỗi ngôn ngữ, trong khi Truyền hình Nhân Dân có từ 7-8 nhân sự chuyên trách thông tin đối ngoại. Nguồn nhân lực này là cơ sở để bảo đảm khối lượng và tần suất thông tin đối ngoại lớn, liên tục.

Số lượng tin bài thông tin đối ngoại giai đoạn 2020-2022 như sau:

Tin, bài của Ban Nhân Dân điện tử giai đoạn 2020-2022**Đơn vị: tin, bài**

Năm	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nga	Tiếng Tây Ban Nha
2020	11.426	5.504	8.528	5.825	8.172
2021	14.869	6.885	10.677	5.396	10.810
2022	11.905	8.242	12.083	5.467	13.417

Tin, bài của Ban Quốc tế báo Nhân Dân giai đoạn 2020-2022**Đơn vị: tin, bài**

Năm	Tin, bài		
	<i>Nhân Dân</i> (báo in)	<i>Nhân Dân</i> điện tử	Khác (<i>Nhân Dân</i> Cuối tuần, <i>Nhân Dân</i> Hằng tháng, <i>Thời nay</i> , báo Tết...)
2020	4.011	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	105
2021	4016	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	104
2022	4.023	Đăng lại của báo in phần tiếng Việt	102

Nhìn chung, quản lý thông tin đối ngoại tại Báo Nhân Dân giai đoạn 2020–2022 đạt được nhiều kết quả tích cực cả về tổ chức, quy trình và sản lượng thông tin, khẳng định vai trò cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực quốc gia.

3.2.2. Quản lý thông tin đối ngoại ở TTXVN giai đoạn 2020-2022

Quy trình sản xuất thông tin (văn bản và truyền hình) gồm 8 bước: (i) khai thác tin; (ii) biên tập/biêndịch; (iii) sơ duyệt/hiệu đính; (iv) hiệu đính chuyên gia; (v) duyệt/xuất bản; (vi) lưu trữ; (vii) tiếp nhận phản hồi/rút kinh nghiệm; (viii) đánh giá.

Về nguồn nhân lực, lực lượng trực tiếp thực hiện thông tin đối ngoại tại TTXVN có quy mô lớn. Năm 2020–2022, Ban Biên tập Tin Thế giới duy trì khoảng 210–212 cán bộ; Ban Biên tập Tin Đối ngoại khoảng 64–65 người; các ấn phẩm đối ngoại như Việt Nam News, Báo ảnh Việt Nam, Vietnam Law and Legal Forum có từ 11–97 cán bộ mỗi đơn vị. Tổng số cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại bằng nhiều ngôn ngữ tại TTXVN lên tới hơn 400 người, thực hiện sản xuất thông tin bằng khoảng 10–11 ngôn ngữ khác nhau. Số lượng tin bài thông tin đối ngoại giai đoạn

2020-2022 như sau:

Tin, bài phát tin nguồn VNANET (TTXVN) giai đoạn 2020-2022

Đơn vị: tin, bài, ảnh

Năm	Tin thời sự thế giới	Thông tin tham khảo	Tin thời sự kinh tế thế giới	Ảnh thời sự quốc tế	Tin - ảnh thời sự thế giới	Thông tin tư liệu thế giới	Tin đồ họa thế giới
2020	28.875	43.415	14.578	36.332	12.546	1.216	678
2021	30.363	46.305	16.494	37.171	12.052	1.123	281
2022	32.873	48.181	17.990	39.407	11.137	1.001	442

Tin, bài trên báo của TTXVN giai đoạn 2020-2022

Đơn vị: tin, bài

Năm	Ban biên tập Tin Đối ngoại (các ngữ)	<i>Vietnam Plus</i> (các ngữ)	<i>Việt Nam News</i> (báo in hằng ngày và báo điện tử)	<i>Le Courier du Vietnam</i> (báo in và báo điện tử)	<i>Báo ảnh Việt Nam</i> (các ngữ)	<i>Vietnam Law and Legal Forum</i> (báo in và báo điện tử)	<i>Báo Tin tức</i> (phản thông tin thế giới trên báo in và báo điện tử)
2020	55.990	Báo điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số
2021	54.400	Báo điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số
2022	62.600	Báo điện tử	364 số (7 số/tuần)	52 số	Báo in và điện tử	12 số	52 số

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu của TTXVN

Nhìn chung, trong giai đoạn 2020–2022, công tác quản lý thông tin đối ngoại tại TTXVN được tổ chức chặt chẽ, thống nhất, chuyên nghiệp, phát huy lợi thế của một cơ quan thông tấn quốc gia đa ngữ, đa loại hình, với mạng lưới

khoảng 30 cơ quan thường trú ở nước ngoài. Hoạt động thông tin đối ngoại không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu tuyên truyền chiến lược của nhà nước mà còn thích ứng linh hoạt với môi trường truyền thông số.

3.2.3. Quản lý thông tin đối ngoại ở VOV giai đoạn 2020-2022

Quy trình quản lý và sản xuất sản phẩm phát thanh đối ngoại tại VOV5 được xây dựng theo mô hình 9 bước khép kín, từ khai thác tin, lập kế hoạch nội dung, biên tập – biên dịch, sơ duyệt, hiệu đính chuyên gia bản ngữ, lãnh đạo duyệt nhiều cấp, thu thanh – phát sóng đến tiếp nhận phản hồi và đánh giá.

Về số lượng tin bài, VOV5 duy trì hàng chục nghìn phút phát thanh mỗi năm, phủ sóng rộng khắp toàn cầu bất chấp khó khăn của dịch bệnh. Lượng tương tác trực tuyến gia tăng rõ rệt cho thấy hiệu quả của việc chuyển dịch từ radio truyền thống sang nền tảng số. Trong đại dịch COVID-19, phản hồi trực tuyến trở thành kênh tương tác chủ yếu. Các phòng ngữ trực tiếp rà soát, phân loại và phúc đáp thính giả quốc tế, qua đó nhận diện các "điểm nóng" dư luận để điều chỉnh nội dung kịp thời.

Nhìn chung, thực trạng quản lý thông tin đối ngoại tại các cơ quan báo chí chủ lực (Báo Nhân Dân, TTXVN và VOV5) giai đoạn 2020-2022 cho thấy sự tuân thủ chặt chẽ quy trình quản lý đa cấp, từ khai thác tin nguồn (phóng viên chuyên môn, thường trú trong và ngoài nước) đến biên tập, duyệt lãnh đạo, biên dịch đa ngôn ngữ và xuất bản trên nhiều nền tảng (báo in, điện tử, truyền hình, phát thanh). Báo Nhân Dân duy trì ổn định nguồn nhân lực Ban Quốc tế (khoảng 23 người) và Ban Nhân Dân điện tử, với số lượng tin bài đa ngôn ngữ tăng dần ở một số thứ tiếng (tiếng Trung tăng từ 8.528 bài năm 2020 lên 12.083 bài năm 2022), dù tổng lượng tin Ban Quốc tế ổn định khoảng 4.000-4.023 bài/năm. TTXVN nổi bật với quy mô lớn, nguồn nhân lực Ban Biên tập Tin Đối ngoại khoảng 64-65 người và Ban Biên tập Tin Thế giới hơn 210 người, sản xuất hàng chục nghìn tin nguồn (VNANET) mỗi năm (tăng từ 28.875 tin thời sự thế giới năm 2020 lên 32.873 năm 2022) và hàng chục nghìn tin bài đối ngoại (từ 55.990 năm 2020 lên 62.600 năm 2022). Các cơ quan đều duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh dịch COVID-19, với sự chuyển dịch mạnh sang nền tảng số và đa ngôn ngữ, góp phần hiệu quả vào việc truyền tải thông tin chính thống, định hướng dư luận quốc tế và kiều bào.

3.3. Ưu điểm, nhược điểm của quản lý thông tin đối ngoại ở một số cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

3.3.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân: Duy trì dòng chảy thông tin liên tục bất chấp giãn cách xã hội; Nội dung định hướng tốt: Tuyên truyền hiệu quả

nỗ lực chống dịch, phục hồi kinh tế, và khẳng định chủ quyền biển đảo; Đấu tranh phản bác hiệu quả, ngăn chặn tin giả, luận điệu xuyên tạc về nhân quyền, tôn giáo, phòng chống dịch; Đổi mới phương thức như chuyển đổi số mạnh mẽ (AI, Podcast, Longform), mở rộng sang các nền tảng mạng xã hội

Nguyên nhân thành công do uy tín và bề dày lịch sử của các cơ quan chủ lực; Sự quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chuyển đổi số sớm; Mạng lưới hợp tác quốc tế và đội ngũ phóng viên thường trú.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

+ Hạn chế:

- Thiếu chiến lược dài hạn: Hoạt động còn mang tính ứng phó ngắn hạn theo vụ việc, sự kiện hơn là một chiến lược xây dựng hình ảnh quốc gia bài bản.

- Phối hợp chưa chặt chẽ: Sự kết nối giữa cơ quan báo chí và các bộ ngành/địa phương đôi khi còn chậm, nhất là trong xử lý khủng hoảng.

- Cơ chế giám sát, xử lý vi phạm: bất cập đối với thông tin xuyên biên giới.

- Thiếu hụt nhân lực: Thiếu phóng viên giỏi cả nghiệp vụ báo chí lẫn ngoại ngữ và kiến thức quốc tế, đặc biệt các ngôn ngữ hiếm.

- Vấn đề bản quyền: Khó kiểm soát việc sao chép trên môi trường số.

- Thị phần độc giả: Các báo tiếng Pháp, Tây Ban Nha gặp khó khăn trong việc mở rộng đối tượng độc giả.

+ Nguyên nhân: Nhận thức về chuyển đổi số chưa đồng đều ở một số bộ phận; Ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, kinh phí cho hoạt động đối ngoại bị cắt giảm sau đại dịch (ví dụ tại VOV5); Chưa có chính sách đào tạo cán bộ quản lý báo chí đối ngoại một cách hệ thống; Áp lực lớn từ các hãng thông tấn lớn và mạng xã hội toàn cầu.

CHƯƠNG 4

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI Ở CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI CHỦ LỰC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỚI

4.1. Bối cảnh, những vấn đề đặt ra và bài học từ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022

4.1.1. Bối cảnh mới của quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

- Tạo ra sự cạnh tranh gay gắt về dòng chảy thông tin.
- Báo chí đối ngoại trở thành công cụ chiến lược "sức mạnh mềm" để định vị thương hiệu quốc gia.
- Công nghệ AI, Big Data, IOT làm thay đổi hành vi tiếp nhận tin tức.
- Báo chí chính thống chịu áp lực cạnh tranh với mạng xã hội và tin giả.
- Xung đột, cạnh tranh nước lớn, an ninh phi truyền thống đòi hỏi thông tin phải nhanh, chính xác để bảo vệ lợi ích quốc gia.
- Sau 40 năm Đổi mới, vị thế Việt Nam tăng lên nhưng cũng đối mặt với sự chống phá phức tạp trên không gian mạng.
- Yêu cầu tái cấu trúc báo chí theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

4.1.2. Những vấn đề đặt ra đối với quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam

- Cần khung thông tin quốc gia để tránh phân tán, mâu thuẫn thông điệp;
- Phải chuyển từ quản lý truyền thông sang quản lý truyền thông tích hợp, đa nền tảng;
- Khoảng cách lớn về công nghệ và nguồn lực so với các hãng tin quốc tế (Reuters, CNN...);
- Áp lực phản bác tin giả, luận điệu thù địch ngày càng tinh vi;
- Khung pháp lý chưa theo kịp tốc độ phát triển của truyền thông số xuyên biên giới;
- Thiếu đội ngũ giỏi cả nghiệp vụ, ngoại ngữ và am hiểu luật pháp quốc tế.

4.1.3. Bài học từ quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2020-2022

- Phản ứng nhanh với khủng hoảng (như đại dịch COVID-19) là yếu tố then chốt;
- Gắn kết chặt chẽ giữa thông tin đối nội và đối ngoại; Khẩu hiệu "Digital first" và đa ngôn ngữ là xu hướng bắt buộc;

- Cơ chế liên ngành (Ngoại giao - Tuyên giáo - Truyền thông) quyết định hiệu quả;

- Cần nguồn lực tài chính và công nghệ xứng tầm.

4.2. Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam

4.2.1. Quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng về công tác thông tin đối ngoại và quản lý thông tin đối ngoại

- Thông tin đối ngoại là nhiệm vụ chiến lược, phục vụ bảo vệ Tổ quốc và hội nhập;

- Chuyển từ "quảng bá một chiều" sang "đối thoại, tham mưu và dự báo chiến lược";

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp.

4.2.2. Giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực của Việt Nam

- Quán triệt vai trò chính trị của báo chí đối ngoại cho đội ngũ quản lý và phóng viên;

- Hoàn thiện thể chế quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực

- Tăng cường đầu tư ngân sách, nâng cấp hạ tầng:

- Đây ứng dụng CMS, AI, bảo mật mạng...;

- Xây dựng tòa soạn hội tụ hiện đại;

- Chuẩn hóa đầu vào (ngoại ngữ, công nghệ);

- Đào tạo chuyên gia theo khu vực địa lý và ngôn ngữ hiếm;

- Đổi mới quy trình sản xuất, sản xuất trực tiếp bằng tiếng nước ngoài (không chỉ dịch thuật);

- Tăng cường ứng dụng AI, Longform, Podcast, video ngắn trên mạng xã hội;

- Tăng cường phối hợp liên ngành;

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các bộ ngành và cơ quan báo chí chủ lực để xử lý khủng hoảng và thống nhất phát ngôn.

4.3. Một số khuyến nghị cụ thể

4.3.1. Khuyến nghị các cơ quan quản lý báo chí đối ngoại ở trung ương

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để hỗ trợ mô hình báo chí đa phương tiện và kinh tế báo chí;

- Xây dựng Chiến lược thông tin đối ngoại đến 2030 và những năm tiếp theo;

Có cơ chế đặt hàng, hỗ trợ tài chính đặc thù cho nhiệm vụ đối ngoại...

4.3.2. Khuyến nghị báo Nhân Dân, TTXVN, VOV

- Dẫn dắt, định hướng thông tin cho hệ thống báo chí cả nước;
- Tăng cường kết nối với báo chí địa phương và các bộ ngành;
- Tăng cường chuyển đổi số, tiên phong xây dựng mô hình tòa soạn hội tụ, phân phối đa nền tảng;
- Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ phóng viên, biên tập viên đạt chuẩn quốc tế.

KẾT LUẬN

Trong tiến trình hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam, thông tin đối ngoại đã trở thành một trụ cột quan trọng trong việc củng cố sức mạnh tổng hợp quốc gia. Bên cạnh ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và ngoại giao nhân dân, báo chí đối ngoại đóng vai trò then chốt trong việc truyền dẫn tư tưởng, định hướng dư luận, cung cấp thông tin khách quan, chính xác về tình hình Việt Nam tới công chúng quốc tế, đồng thời phản ánh quan điểm, lập trường của Việt Nam đối với các vấn đề khu vực và toàn cầu. Do đó, quản lý thông tin đối ngoại trong báo chí đối ngoại chủ lực không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật hành chính mà còn thể hiện tầm chiến lược của Nhà nước trong quản lý truyền thông quốc gia, trong xây dựng hình ảnh Việt Nam có trách nhiệm, minh bạch và hội nhập.

Luận án “*Quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực (Giai đoạn 2020-2022)*” được triển khai trong bối cảnh thế giới chứng kiến những biến động nhanh chóng và khó lường. Không gian truyền thông quốc tế chuyển dịch mạnh mẽ do sự phát triển vượt bậc của công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và mạng xã hội xuyên biên giới. Những biến động này vừa mở rộng cơ hội tiếp cận công chúng toàn cầu, vừa tạo ra thách thức về kiểm chứng thông tin, cạnh tranh diễn ngôn, bảo vệ chủ quyền số và ứng phó truyền thông khủng hoảng. Đồng thời, ở trong nước, chủ trương của đảng và nhà nước về đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng đặt ra yêu cầu mới về nâng cao hiệu lực, hiệu quả hệ thống truyền thông đối ngoại. Do đó, việc nghiên cứu về quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí chủ lực không chỉ có giá trị lý luận mà còn mang tính cấp thiết trong hoạch định chính sách truyền thông quốc gia.

Thứ nhất, từ tổng quan nghiên cứu trong nước và quốc tế, luận án đã chỉ ra rằng các nghiên cứu về truyền thông đối ngoại nói chung và quản lý thông tin đối ngoại trong báo chí đối ngoại nói riêng còn phân tán, thiếu sự tích hợp về lý luận và ít tập trung vào thực tiễn của các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực của Việt Nam. Nhiều công trình đề cập đến truyền thông quốc tế, quản lý báo chí hoặc hoạt động đối ngoại nhưng chưa đào sâu vào mối quan hệ mang tính cấu trúc giữa quản lý nhà nước, cơ chế vận hành báo chí và yêu cầu triển khai thông tin đối ngoại trong bối cảnh truyền thông số. Khoảng trống học thuật này tạo tiền đề để luận án xây dựng một khung lý luận mang tính hệ thống và cập nhật hơn, trong đó kết hợp giữa cách tiếp cận quản trị công, lý thuyết truyền thông quốc tế, mô hình quản lý báo chí và đặc thù vận hành của báo chí đối ngoại chủ lực.

Khung lý luận được phát triển trong luận án không chỉ làm rõ khái niệm, vai

trò và đặc trưng của thông tin đối ngoại mà còn xác lập cấu trúc nội dung quản lý gồm bảy mắt xích chính: tiếp nhận thông tin, xây dựng kế hoạch, duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, giám sát, phổ biến thông tin và tiếp nhận, xử lý phản hồi. Đồng thời, luận án cũng phân tích sâu các phương thức quản lý hiện hành như quản lý bằng pháp luật, bằng cơ chế tài chính, bằng tổ chức bộ máy, thuyết phục - cảm hóa và đào tạo - bồi dưỡng nhân lực. Việc phân tích này giúp đặt thực tiễn quản lý thông tin đối ngoại trong một bối cảnh lý luận rộng hơn, tạo cơ sở cho đánh giá thực chứng ở Chương 3, đề xuất giải pháp ở Chương 4.

Thứ hai, thông qua khảo sát và phân tích thực tiễn tại báo *Nhân Dân*, TTXVN và VOV, luận án đã phác họa một bức tranh toàn diện về hoạt động quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn 2020-2022. Đây là giai đoạn đặc biệt với khủng hoảng y tế và khủng hoảng truyền thông mang tính toàn cầu, khi đại dịch COVID-19 gây gián đoạn lớn trong đời sống quốc tế, làm thay đổi phương thức sản xuất và tiêu thụ thông tin, đồng thời thúc đẩy nhanh sự dịch chuyển sang môi trường truyền thông số. Trong bối cảnh này, 3 cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực đã thể hiện năng lực thích ứng linh hoạt, duy trì dòng chảy thông tin đối ngoại ổn định, cung cấp thông tin cập nhật về chống dịch, phục hồi kinh tế - xã hội, tham gia các hoạt động đa phương và những đóng góp tích cực của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Tính thống nhất cao trong quy trình quản lý thông tin đối ngoại ở 3 cơ quan cho thấy sự chuyên nghiệp hóa ngày càng rõ nét của báo chí đối ngoại. Thông tin được kiểm chứng chặt chẽ, tuân thủ định hướng chính trị, trong đó bao gồm định hướng đối ngoại của đảng và nhà nước, đồng thời mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin qua các nền tảng truyền thông đa phương tiện, xuất bản đa ngôn ngữ và ứng dụng công nghệ số. Đây là những minh chứng rõ ràng cho thấy báo chí đối ngoại Việt Nam đã bước vào giai đoạn chuyển đổi từ mô hình báo chí truyền thống sang mô hình truyền thông tích hợp, hướng tới công chúng toàn cầu.

Thứ ba, bên cạnh những thành tựu, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy còn tồn tại một số hạn chế mang tính hệ thống, khiến hoạt động quản lý thông tin đối ngoại chưa phát huy hết tiềm năng. Nổi bật trong số đó là việc thiếu vắng một chiến lược tổng thể dài hạn, dẫn đến xu hướng ứng phó ngắn hạn trong sản xuất thông tin; sự phối hợp giữa các cơ quan báo chí và giữa báo chí với các cơ quan đối ngoại, cơ quan quản lý còn phân tán; công tác giám sát, đánh giá hiệu quả thông tin đối ngoại chưa có hệ thống chỉ số chuẩn hóa. Ngoài ra, năng lực đội ngũ nhân sự, đặc biệt trong bối cảnh truyền thông số, phân tích dữ liệu, truyền thông khủng hoảng và ngoại ngữ, vẫn còn khoảng cách so với yêu cầu của truyền thông quốc tế hiện đại.

Những hạn chế này chỉ ra rằng mô hình quản lý hiện nay tuy đã vận hành tốt

trong bối cảnh thông thường, nhưng còn gặp khó khăn khi đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt của không gian truyền thông số xuyên biên giới, nơi thông tin xấu độc, tin giả và các chiến dịch truyền thông có chủ đích xuất hiện ngày càng tinh vi. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mới mang tính chiến lược, hệ thống và chủ động hơn.

Thứ tư, thông qua phân tích SWOT, luận án xác định rằng quản lý thông tin đối ngoại ở báo chí đối ngoại chủ lực đang đứng trước những chuyển biến quan trọng. Về mặt điểm mạnh, Việt Nam có lợi thế về hệ thống báo chí đối ngoại đã được định hình rõ ràng, kinh nghiệm phong phú về thông tin quốc tế, đội ngũ phóng viên được đào tạo bài bản và nguồn thông tin chính thống phong phú từ hệ thống cơ quan đảng, nhà nước, ngành, bộ. Tuy nhiên, điểm yếu vẫn nằm ở khả năng dự báo truyền thông, mức độ chủ động xây dựng diễn ngôn quốc tế, năng lực khai thác công nghệ truyền thông số và sự thiếu đồng bộ về cơ chế điều phối liên ngành.

Trong bối cảnh này, nỗ lực tận dụng cơ hội, như xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ, sự quan tâm gia tăng của quốc tế đối với Việt Nam, hay nhu cầu phối hợp truyền thông đa phương, có thể giúp báo chí đối ngoại nâng tầm ảnh hưởng. Ngược lại, thách thức đến từ cạnh tranh địa - chính trị thông qua truyền thông, sự phát tán thông tin sai lệch và chiến tranh thông tin đòi hỏi một cơ chế bảo vệ thông tin quốc gia mạnh mẽ và phương thức quản lý hiện đại hơn.

Thứ năm, trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất nhóm giải pháp chiến lược gồm: nâng cao nhận thức đối với vai trò của quản lý thông tin đối ngoại; hoàn thiện cơ chế đầu tư, tăng cường nguồn lực tài chính; chuẩn hóa và đổi mới quy trình sản xuất và quản trị nội dung; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, đa năng, am hiểu luật pháp và thông lệ quốc tế; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả; và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý và phổ biến thông tin. Các giải pháp này nhằm hướng tới xây dựng một mô hình quản lý thông tin đối ngoại chủ động, hiện đại, hội nhập, đảm bảo thông tin đối ngoại hiệu quả, minh bạch và phù hợp với chiến lược hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia trong môi trường thông tin đầy biến động. Việc thực hiện các giải pháp đòi hỏi sự chung tay của toàn bộ hệ thống chính trị, các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí đối ngoại, các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội để công tác thông tin đối ngoại thực sự trở thành một trong những trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển quốc gia.

Cuối cùng, xét về mặt học thuật, luận án đóng góp vào việc mở rộng cơ sở lý luận cho nghiên cứu truyền thông đối ngoại trong điều kiện Việt Nam, đặc biệt trong việc tích hợp khung lý thuyết quản trị truyền thông hiện đại với thực tiễn vận hành báo chí đối ngoại. Về mặt thực tiễn, luận án không chỉ đưa ra bức tranh trung thực về

hoạt động quản lý thông tin đối ngoại giai đoạn 2020–2022 giai đoạn thế giới đang đối mặt với nhiều biến động phức tạp, mà còn cung cấp những luận cứ đáng tin cậy cho việc hoạch định chính sách truyền thông đối ngoại trong thời gian tới.

Trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, tăng cường vai trò tại các thể chế đa phương và chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, việc xây dựng một hệ thống quản lý thông tin đối ngoại hiện đại, thích ứng và hiệu quả là yêu cầu cấp thiết. Với những đóng góp về lý luận và thực tiễn, luận án kỳ vọng sẽ trở thành cơ sở tham khảo hữu ích cho các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan báo chí đối ngoại, cũng như các nhà nghiên cứu, từ đó góp phần nâng cao chất lượng truyền thông đối ngoại, củng cố vị thế và hình ảnh Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập mới./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Duy Hưng (2021), *Quản lý thông tin đối ngoại nhìn từ đội ngũ phóng viên thường trú báo Nhân Dân tại nước ngoài*, Tạp chí *Người làm báo*, số 453, tháng 11/2021.
2. Vũ Duy Hưng (2022), *Báo chí đối ngoại - những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí *Người làm báo*, số 463, tháng 9/2022.
3. Vũ Duy Hưng (2023), *Mô hình tòa soạn số ở cơ quan báo chí đối ngoại: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, kỷ yếu Hội thảo báo chí quốc tế *Quản trị tòa soạn báo chí số: Lý luận, thực tiễn, kinh nghiệm tại khu vực ASEAN*, Hội Nhà báo Việt Nam, tháng 12/2023.
4. Vũ Duy Hưng (2024), *Phát huy vai trò quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực*, Tạp chí điện tử *Lý luận Chính trị*, ngày 16/1/2024.
5. Vũ Duy Hưng (2024), *Đổi mới quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí đối ngoại chủ lực phục vụ phát triển kinh tế báo chí – truyền thông trong bối cảnh phát triển kinh tế số*,), kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Kinh tế báo chí truyền thông trong bối cảnh kinh tế số (Economics of journalism and communication in the context of digital economy development*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Vũ Duy Hưng (2025), *Promoting the role of foreign information management in key press agencies*, Online Journal *Political Theory*, vol. 44, Mar, 2025.
7. Vũ Duy Hưng (2025), *Một số giải pháp tăng cường quản lý thông tin đối ngoại ở các cơ quan báo chí chủ lực tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 567, tháng 5/2025.